

Đường về xứ Phật
Minh Châu, Thiện Châu, Huyền Vi, Pasadika - 1964

Nalanda

*"Indra phân cách Nalanda
Cảnh trí xem ra thật mặt mà
Chùa tháp lấp vùi trong đất đỏ
Giảng đường vươn dậy giữa muôn hoa
Nghìn năm lịch sử còn ghi dấu
Xán lạn ngày mai đến chẳng xa
Gương biếc Huyền Trang in bóng cũ,
Đậm đà vui đón khách phương xa." (T.C)*

Nếu Lâm-tỳ-ni là Thánh địa, bởi đức Phật giảng sanh ở đó thì Nalanda là đất thiêng đã chứng kiến sự xuất hiện của hai vị đệ tử của Ngài là Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-Kiền-Liên. Đức Phật đã tán thán hai ngài: "Nay các Tỳ-kheo trong hàng đệ tử của Như Lai, người có đại trí tuệ là Xá-lợi-phất và người có đại thần thông là Mục-Kiền-Liên".

Nếu Bồ-đề Đạo tràng là nơi đức Phật viên thành Chánh pháp thì Nalanda là đất thiêng đã truyền chiếu ánh sáng ấy đến với vô số người, ở khắp nơi trên thế giới.

Nếu Lộc Uyển là thánh địa, bởi ở đó đức Phật đã Chuyển pháp luân lần đầu tiên thì Nalanda là đất thiêng đã hoằng truyền chánh pháp, trong một thời gian dài hơn ngàn năm.

Nếu Câu-Thi-Na là Thánh địa, bởi ở đó đức Phật đã nhập Niết-bàn thì Nalanda là đất thiêng đã chứng kiến sự viên tịch của Tôn giả Xá-lợi-phất.

Hơn nữa, Đức Phật chưa bao giờ trở lại nhiều lần để thăm Lâm-tỳ-ni, Bồ-đề Đạo tràng, Lộc-uyển và Câu-thi-na, sau khi Ngài giáng sanh, đắc đạo, chuyên pháp luân và nhập Niết-bàn, nhưng Ngài viếng thăm Nalanda rất nhiều lần.

1. Lịch sử Nalanda

Nalanda được nói đến nhiều trong văn chương Phật giáo và văn chương Jain. Ngài Xá-lợi-phất sanh gần Nalanda. Đức Phật cũng thường ghé thăm chỗ này khi Ngài đến thăm thành Vương-xá. Niganthanah-taputta, vị sáng lập ra đạo Jain cũng sanh gần Nalanda. Vua xứ Ma Kiệt Đà có lập một ngự uyển không xa Nalanda mấy. Nhưng chỉ từ khi Nalanda trở thành một Đại học viện Phật giáo, thánh địa này mới thực sự được nổi tiếng khắp thế giới, vì những vị giáo sư của Nalanda được xem là giỏi nhất xứ Ấn Độ. Vua A Dục là người sáng lập ra Nalanda nhưng không phải Đại học viện Nalanda, mà chỉ là chùa Nalanda. Ở đây vua này cũng thiết lập một tịnh xá và cúng dường phẩm vật tại ngôi tháp Xá-lợi-phất. Chúng ta không thể biết rõ Đại học viện Nalanda lập từ thời nào; có lẽ bắt đầu thế kỷ thứ nhất, trước tây lịch, vì ngài Nagarjuna (Long Thọ) sanh vào thế kỷ thứ hai, được xem là tông học tại đó và sau trở thành Viện trưởng. Điều này được ghi trong lịch sử của Taranatha.

Theo thời gian, Đại học viện Nalanda trở thành to lớn, và có lần sinh viên theo học đến số 10 ngàn người. Sinh viên đều được miễn phí, vì các phí tổn đều do các nhà vua chu cấp hoặc các đàn việt đài thọ. Sinh viên chỉ chuyên lo tu học. Trong những vua thuộc thời đại Gupta ủng hộ Đại học viện, có vua Kakradutya. Theo Ngài Huyền Trang chính vua này đã dâng cúng tịnh xá cho chư Tăng. Nhưng vua nổi nghiệp như Buddhagupta, Tathagatagupta, Bala-gitya, Kunnaragupta và Vajra đều theo Ngài và cúng dường rất nhiều tịnh xá.

Ngài Pháp Hiền đến thăm Ấn Độ vào thế kỷ thứ năm, không nói đến Nalanda; có lẽ Nalanda chỉ nổi tiếng vào những thế kỷ sau, và khi Ngài đến viếng, chỉ là một Học viện nhỏ như các Học viện Phật giáo khác.

Trái lại, khi ngài Huyền Trang đến Ấn Độ vào thế kỷ thứ bảy, Nalanda đã thành một trung tâm học vấn. Ngài học ở đây độ 13 năm. Ngài nghiên cứu các hệ thống triết học Phật giáo dưới sự chỉ dạy của Viện trưởng Silabhadra (Giới Hiền). Vị này được xem là vị học giả Phật giáo nổi tiếng nhất ở Ấn Độ. Thời bấy giờ ngài Huyền Trang cũng học Hetuvidya (Nhơn minh), Sabdavidya (văn phạm), Cikitsavidya (y học), Vệ-đà của Bà-la-môn giáo. Dưới đây là đoạn văn tả Nalanda của Ngài:

--"Số Tăng sĩ đông đến vài ngàn đều là những bậc tài năng xuất chúng. Những bậc này phần nhiều là những vị kỳ tài, danh tiếng vang đến cả những nước ở ngoài. Đức hạnh của những vị này hoàn toàn thanh tịnh, không thể chê trách gì. Họ theo giới luật một cách chơn thành. Qui luật của tu viện rất nghiêm khắc và tất cả Tăng sĩ đều bắt buộc phải tuân theo. Cả nước Ấn Độ đều kính phục và tuân theo những lời chỉ dạy của những vị này. Cả ngày họ không có đủ thì giờ để hỏi và trả lời những câu hỏi có ý nghĩa sâu xa. Từ sáng cho đến tối, các vị này đều luôn luôn biện luận. Già và trẻ đều giúp đỡ lẫn nhau. Những ai không thể biện luận về kinh điển đều không được kính trọng và phải lánh tránh vì xấu hổ. Những nhà học giả từ các thành thị khác, muốn mau có danh tiếng trong các cuộc biện luận đều đến Nalanda rất đông, để được giải đáp những điểm mình còn nghi ngờ, và vì vậy danh tiếng của những vị ở Nalanda được lan truyền rất rộng. Cũng vì vậy mà có nhiều người muốn có danh của Nalanda để được người ta kính trọng. Các người ở các giới khác muốn dự các cuộc biện luận phải bị người giữ cửa hỏi vài câu khúc mắc, nhiều người không trả lời được phải trở về. Phải học giỏi cả tân và cựu kinh điển mới được thâm nhận. Những sinh viên lạ mặt phải tỏ sự biệt tài của mình trong những cuộc biện luận gặt gao, và số người bị hỏng so với những vị trúng tuyển độ 7, 8 phần 10."

Những bia ký cũng chứng tỏ sự vĩ đại của Nalanda và công nghiệp của các vị vua duy trì và cung cấp vật dụng phí tổn cho Đại học đường ấy. Bia ký khắc trên lá đồng của Devapala (810 - 850) ghi rõ chỗ cả năm làng ở quận Ragjir, dùng để cung cấp các vật dụng ăn uống cho các vị Tăng sĩ, và chép các kinh điển tại Viện do vua Sumatra lập lên. Chúng ta còn thấy Nalanda cũng được những vua ngoài Ấn Độ ủng hộ.

Trong những vị vua ủng hộ Đại học viện Phật giáo có vua Harsha ở Kanouj về thời đại Gupta. Vua này rất sùng bái Phật giáo. Chính trong đời vua này, ngài Huyền Trang đến thăm Ấn Độ. Theo ngài Huyền Trang thì vua Harsha có lập một ngôi chùa bằng đồng và chuyên số thuế của một trăm làng để Đại học viện tiêu phí, và hai trăm gia đình trong những làng ấy cúng dường các thức ăn uống như gạo, sữa và bơ. Một vị Bà-la-môn, Suvishnu đồng thời với ngài Long Thọ, có lập ít nhất là 108 ngôi tinh xá cho cả hai phái Đại thừa và Tiểu thừa.

Những giáo sư danh tiếng ở Nalanda

Nalanda sản xuất một số triết gia, văn phạm gia, luận lý gia và những lãnh tụ tôn giáo. Sách vở những vị này viết đến nay vẫn còn truyền tụng. Triết học Đại thừa được nảy nở hoàn toàn tại đây, và nhờ Nalanda mà Đại thừa Phật giáo được truyền bá khắp nơi. Hiện tại chúng ta chỉ biết được một ít tên những vị Viện trưởng có danh tiếng, nhưng chỉ những tên ấy cũng nói lên được giá trị của Nalanda và chứng tỏ rằng Nalanda thật xứng đáng là một Đại học viện có tiếng nhất thời ấy:

-- Nagarjuna (Long Thọ), vị giải thích giáo lý Đại thừa trước tiên và cũng là vị Viện trưởng thứ nhất; Arya Deva vị giải thích Madhyamika (Trung luận tôn), ngài Asanga (Vô Trước) về Yogacara (Quán hạnh tôn) và người em của ngài, ngài Vasubandhu (Thế Thân) lại còn danh tiếng hơn anh của mình, đều là những vị Viện trưởng kế tiếp. Rồi đến ngài Dinnaga (Trần Na), vị sáng lập Nhơn minh tôn. Vị này cũng là người Darvidjan như ngài Long Thọ. Ngài

thăng một vị Bà-la-môn có danh tiếng và được tặng chức Tarkapungava. Rồi đến ngài Dharmapala. Tiếp đến là ngài Silabhadra (Giới Hiền), chính trong thời Ngài làm Viện trưởng, ngài Huyền Trang đến viếng và học tại Nalanda. Ngài Huyền Trang trong ký sự có tán thán rất nhiều đức hạnh của ngài Silabhadra, vừa là một vị đại học giả, vừa là một bậc thạc đức. Rồi đến ngài Dharmakirti, có lẽ là vị luận sư có tiếng nhất ở Ấn Độ, không riêng gì về kinh luận (Abhidhamma) mà gồm cả luận lý học. Ngài biện thắng ông Kumarala, một triết gia và nhà hùng biện nổi tiếng thời ấy. Rồi đến ngài Shantarakshita. Ngài này được mời qua Tây Tạng để dịch các kinh điển Phật giáo sang chữ Tây Tạng. Sau khi dịch xong, Ngài thệ thệ tại chỗ vào năm 762 sau kỷ nguyên. Một vị nữa tên là Padmasambhava cũng qua Tây Tạng sáng lập Lạt-ma tôn, vẫn còn thịnh hành cho đến bây giờ.

Khách viếng Nalanda

Khách đến viếng Nalanda rất đông, nhất là người Trung Hoa. Chúng ta đã được biết ngài Pháp Hiền đến viếng vào thế kỷ thứ năm và ngài Huyền Trang và thế kỷ thứ bảy. Sau ngài Huyền Trang, có 11 người Triều Tiên và Trung Hoa tiếp tục đến thăm và học tại Nalanda trong một thời gian. Một vị nữa rất quan trọng, ngài Y-tsing (Nghĩa Tịnh) đến Nalanda năm 673 và ở tại Nalanda trong một thời gian khá lâu. Ngài tả Nalanda tỉ mỉ và đầy đủ hơn ngài Huyền Trang. Ngài nói các vị Tỳ-kheo đều sống một đời thật lý tưởng, làm mẫu mực cho toàn thể Phật tử. Những vấn đề dạy dỗ và nghiên cứu tại Nalanda không những chỉ là Phật giáo mà cả các hệ thống triết học, văn học, đạo học.... do đó học giả khắp các nước đều nô nức đến học tập và nghiên cứu.

Nalanda bị phá hủy

Vào khoảng thế kỷ thứ tám Nalanda bắt đầu bị điêu tàn, một phần vì tình hình chính trị trong nước thay đổi, một phần vì Ấn Độ giáo đã bắt đầu có những triết gia có tiếng như ngài Sankaracharya. Vị này đã viết nhiều sách

Sanskrit công kích Phật giáo. Cuối cùng là giặc Hồi giáo tiến vào chiếm cứ. Giặc này không kính trọng một tôn giáo nào khác ngoài Hồi giáo. Không những đuổi hoặc giết các Tăng sĩ Phật giáo, chúng còn phá hủy các chùa, tháp, tịnh xá, đập nát các tượng Phật, Bồ-tát bằng đá và thiêu đốt kinh sách nữa. Chúng tôi được nghe ít nhất là 3 ngàn vị sư bị tàn phá. Những vị sống sót trốn chạy, phần nhiều qua Tây Tạng. Vị vua Hồi giáo chiếm Ma Kiệt Đà và phá hủy Phật giáo tên là Bahktiyar Khilji.

Ngài Huyền Trang nói về Nalanda

Trong tập ký sự của ngài Huyền Trang có chép: "Đi về phía Bắc độ 30 dặm, đến tu viện Nalanda. Tục truyền phía Nam của tu viện này, ở giữa rừng Am-ra, có một cái hồ nhỏ. Vị thần rắn của hồ ấy tên là Nalanda. Tu viện được lập trên hồ ấy nên đặt tên là Nalanda. Nhưng sự thật thời đức Phật, trong một tiền thân của Ngài, đã sống theo hạnh Bồ-tát và thành vua một nước lớn, lập kinh đô tại Nalanda. Vì lòng thương xót của Ngài hoan hỷ cứu độ chúng sanh thoát khỏi đau khổ, nên để kỷ niệm thành ấy Ngài được gọi là "Bồ thí không dừng nghỉ" và tu viện ấy được gọi là Nalanda. Chỗ đó trước là một vườn xoài; 500 thương khách mua với giá là 10 kotis bằng tiền vàng và cúng vườn ấy lên đức Phật. Đức Phật thuyết pháp trong ba tháng và các vị thượng khách cùng các người khác chứng quả A La Hán. Sau thời đức Phật nhập Niết-bàn chẳng bao lâu, một vị vua của xứ ấy, vua Sakraditya, kính trọng giáo lý nhất thừa, và qui ngưỡng Tam bảo, đã lựa một chỗ tốt đẹp, và lập nên một tu viện. Trong khi khởi công đào đất, vị vua này đã làm bị thương một thần rắn. Một vị tiên tri có tiếng, thuộc phái ngoại đạo Nigranthas (Ni Kiền Đà), khi thấy sự tình có để lại lời tiên tri như sau: "Đây là một địa thế tối thượng, nếu lập một tu viện trên chỗ này nhất định sẽ trở thành một tu viện danh tiếng: tu viện ấy sẽ làm gương mẫu khắp nơi. Trái 1.000 năm, tu viện ấy vẫn còn thịnh đạt, sinh viên tất cả các cấp bậc đều thành tài một cách dễ dàng. Nhưng nhiều vị sẽ bị đổ máu vì vết thương của vị thần rắn này". (Lời tiên tri này được sự thật chứng nhận).

Con của vị vua trên, vua Buddhaguptaraja lên kế vị và tiếp tục công việc tốt đẹp của vua cha. Phía Nam của tu viện, vị vua ấy lập thêm một tu viện khác. Vua Tathagatagupta, cũng hăng hái theo công nghiệp của tổ tiên và lập thêm một tu viện nữa về phía đông. Vua Baladiya nối ngôi Hoàng đế và lập thêm một tu viện nữa về phía Đông Bắc. Con vua này tên là Vajra lên kế vị và lòng tin Phật rất vững chắc. Vị này cũng xây thêm một tu viện nữa về phía Tây. Theo đó có một vị vua Trung Ấn Độ kiến thiết thêm một tu viện khác ở phía Bắc. Vị này lại cho xây một thành cao có một cửa vào bao bọc các tu viện. Các vua kế vị tiếp tục dựng tháp tạc tượng làm cho cảnh trí Đại học viện trở thành kỳ diệu tuyệt luân. Nhà vua nói: "Tại phòng của vua lập tu viện đầu tiên, tôi sẽ tôn trí một tượng Phật và tôi sẽ cúng dường hằng ngày cho 40 vị Tăng sĩ để tỏ lòng biết ơn người sáng lập tu viện này....".

2. Các tháp

Ngọn tháp số 3 là ngọn cao lớn nhất. Một tầng cấp rộng đưa lên đến tận đỉnh tháp. Tại đây có thể thấy toàn cõi Nalanda. Các tượng xung quanh tháp rất sai khác nhau, chứng tỏ được tạc hoặc khắc vào nhiều thời đại khác nhau. Trong số các tượng đá thuộc thời đại Gupta, có nhiều tượng rất đẹp. Ngọn tháp chính giữa, chung quanh có nhiều tháp nhỏ. Những tháp nhỏ này, có lẽ dựng xác trà-tỳ của những sư ở Phật học viện qua đời, không to lớn những những tháp trong các chùa Việt Nam. Trong một mái nhà phía Đông Bắc tháp chính có tượng vị Bồ-tát Avalokitesvara (đức Quan Thế Âm) rất đẹp. Một bức tượng về phía Đông Nam được xem là tượng của ngài Nagarjuna (Long Thọ), vị Viện trưởng đầu tiên của Đại học đường Nalanda.

Phía Bắc tháp số 3 là tháp số 12. Đây cũng có hai lớp thuộc hai thời đại. Tháp này có điểm đặc biệt là trên đường tháp đều có những khám chờ, những trụ vuông tạc

hiều tượng rất đẹp. Nơi các khám có tượng Phật hoặc tượng Bồ-tát, nhưng chỉ một ít tượng còn lại. Về phía Bắc và phía Nam của tháp có điện thờ bằng gạch. Mỗi điện có một tượng Phật lớn, tay bắt ấn Bhumisparśa Mudra. Lại có những ngọn tháp dài 170 feet và rộng 165 feet. Tháp số 14 còn lại một chân tượng rất lớn và những mảnh nhỏ của những bức bích họa. Điểm đặc biệt này ít được thấy về phía Bắc Ấn Độ. Chắc chắn chân tượng ấy là của một tượng Phật rất lớn.

Tháp số 2 không cùng một hệ thống với các ngôi tháp khác. Tháp này có 211 bức chạm trình bày như sau: hai bên cửa chính, mỗi bên có 20 bức và 3 mặt tường mỗi mặt có 57 bức. Có lẽ các bức chạm này được chạm vào thế kỷ thứ 6 hoặc thứ 7.

3. Các tinh xá

Tinh xá số 1 quan trọng nhất, rất rộng và có đến 7 tầng. Cửa vào về phía thành phương Bắc. Theo tài liệu của cái bia đào được ở tại các tinh xá này, tầng thứ nhất có lẽ do vua Sumatras dựng lên, vào đời vua Devapala, vua thứ 3 của triều đại Pala (770 - 810 T.L). Đó là một ngôi nhà hai tầng, vì có nhiều Tầng phòng được đào lên và dưới những Tầng phòng này có những nền đá cũ bị chôn lấp. Nền phòng trên cách nền phòng dưới đến 18 feet. Có hai ngôi tượng ở hai tinh xá trên và dưới. Điện Phật của tinh xá dưới về phía đông. Có lẽ phải có một tượng Phật rất lớn tại chỗ ấy. Điểm đặc biệt của ngôi tinh xá là có bệ đá, cả hai phía ngôi điện Phật, có lẽ để các vị Giáo sư đứng diễn giảng, trong khi các học sinh ngồi trên sàn dưới sân. Có một giếng nước về phía Tây Bắc, chung quanh có những phòng nhỏ, chắc chắn là phòng của các vị học giả. Điểm đặc biệt là trần cửa những phòng này hình vòng cung. Trong tinh xá này người ta có đào được một tấm đá hột, tạc 8 sự tích đời sống của đức Phật. Tấm đá ấy hiện ở Viện bảo tàng Nalanda. Tầng cấp rộng và vật dụng nêu rõ

nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc lúc bấy giờ đã tiến bộ nhiều.

Ngôi tinh xá gồm có, như thường lệ, một số Tầng phòng với những mái hiên rộng đưa về phía trước. Trước kia các Tầng phòng ấy dựng vòng quanh một sân vuông lớn nhưng về sau các Tầng phòng được ngăn cách bởi một bức tường lớn. Xưa kia tinh xá có hai hoặc nhiều tầng lầu như được chứng rõ nhờ một tầng cấp ở góc Đông Nam.

Tinh xá số 4 có hai điểm đặc biệt, một là có lỗ hở trên tường, tiếp theo tầng cấp, có lẽ xưa dùng làm lỗ ánh sáng cho tam cấp. Một kiến trúc ít được thấy trong các nhà cửa lối cổ. Thứ hai, có tìm thấy một đồng tiền thuộc triều đại vua Kumaragupta (413 - 455) sau kỷ nguyên, một trong những đồng tiền xưa nhất tìm thấy tại Nalanda. Đi ngang qua tinh xá số 5, chúng ta đến tinh xá số 6. Tinh xá này có hai sân bằng gạch. Đây cũng là nhà hai tầng vì thấy có tầng cấp. Giữa sân thượng có hai dãy lò lửa, có người cho là để nấu ăn, nhưng chắc là để nhuộm y của chư Tăng, vì tại tinh xá không được phép nấu ăn. Trong tinh xá này cũng có một cái giếng và ba bệ thờ, hai ở tầng dưới và một ở tầng trên. Phía Đông Bắc tinh xá số 7, có khắc chạm sự tích về tiền thân đức Phật cùng nhiều tích thông thường khác. Phần nhiều các tinh xá đều có một lối kiến trúc như nhau. Tại đây ba tinh xá chồng chất lên nhau và chỗ này được đào lên một cách khiến chúng ta thấy rõ ba giai đoạn kiến thiết. Chúng ta thấy sân gạch nói riêng và Tầng phòng nói chung thuộc ba thời đại.

Một sân vuông ở giữa, chung quanh là hai hay ba dãy phòng. Một mái hiên có cột bằng đá hay bằng gạch chống đỡ, chạy dài theo những buồng ở. Dãy phía tây hướng về cửa vào thường là điện Phật thờ đức Phật hay một vị Bồ tát. Thỉnh thoảng có một giếng nước trong sân, như ở tinh xá số 1. Tường đều trét thạch cao và sân lát gạch hoặc đá. Điều đặc biệt là tường rất dày, hơn một sải tay vì mùa hạ ở Nalanda rất nóng. Chỉ trừ tinh xá số 1A và 1B, các tinh xá đều hướng về phía Tây, còn tượng Phật thì hướng về

phía Đông, cách ngang các tinh xá bởi những hành lang dài.

4. Chung quanh Nalanda

Phạm vi của Nalanda ngày xưa không phải chỉ nằm trong khu vực hiện đang được rào dậu mà rất rộng. Đứng trên tầng cao của ngôi tháp chính đưa mắt chung quanh, qua những cổ tháp, những hồ sen rộng, những đồi đất, chúng ta có thể ước độ phạm vi của Đại học đường, gồm có 150 giáo sư và cả 10.000 sinh viên không kể những người giúp việc, rộng lớn đến 1.000 mẫu tây.

Theo dòng thời gian, sự vật biến đổi, làm cho chúng ta khó mà biết được những gì đã có chung quanh Nalanda. Tốt hơn là hãy nương theo sự diễn tả của ngài Huyền Trang để tìm lại một vài dấu vết của thời xưa:

--"Chung quanh tu viện có đến hàng trăm tháp nhỏ tôn thờ Xá lợi nhưng chỉ xin kể một vài thôi. Về phía Tây tu viện, không xa lắm có một ngôi chùa. Tại đây đức Như Lai, xưa kia đã dừng lại trong ba tháng để diễn giảng Chính pháp, độ các vị thiên thân. Về phía Nam độ 100 bước, có một ngọn tháp nhỏ. Đây là nơi một vị Tỳ-kheo từ xa trông thấy đức Phật. Về phía Nam, có tượng đứng của đức Quán-tự-tại Bồ-tát. Có khi người ta thấy Ngài cầm bình dương chỉ đi đến ngôi chùa của đức Phật và rẽ về phía tay trái. Phía Nam của bức tượng ấy có một ngọn tháp tôn trí tóc và móng tay của đức Phật trong ba tháng. Những ai bị bệnh về sinh nở đến đây và đi vòng quanh tháp, phần lớn đều được lành bệnh. Phía Tây chỗ này có một ngọn tháp gần bên một hồ nước. Chính tại đây, một ngoại đạo cầm một con chim sẻ, hỏi đức Phật về vấn đề sống chết.

Về phía Đông Nam độ 50 thước, phía trong bức thành, có một cây rất kỳ lạ, độ 8, 9 feet cao, và thân cây, rẽ làm hai. Khi đức Phật còn tại thế Ngài quăng tằm xia răng của Ngài tại đây và tằm ấy mọc thành cây. Hiện nay ở Ấn Độ

phần nhiều người ta vẫn còn xĩa và đánh răng bằng một loại cây tươi. Trải qua nhiều năm tháng, cây ấy không lớn lên cũng không khô chết.

Gần về phía Đông có một ngôi chùa, độ 20 feet cao. Tại chỗ này đức Như Lai đã ở trong bốn tháng, giảng giải chính pháp vi diệu. Từ đây đi về phía Bắc độ 100 bước có một ngôi chùa thờ một tượng đức Quan Thế Âm Bồ-tát. Những đệ tử chí thành, khi cúng dường lễ Phật không thấy đức Quan Thế Âm ở một chỗ nhất định. Khi thì thấy Ngài ở gần cửa, khi thấy Ngài ra trước mái hiên. Phật từ tại gia hay xuất gia khắp nơi đến rất đông để đánh lễ và cúng dường.

Phía Bắc tu viện này lại có một ngôi chùa khác, độ 300 thước cao, do Vua Baladitya dựng lên. Về sự lộng lẫy, kích thước và tượng Phật trong ấy, ngôi chùa giống như ngọn tháp dưới cây Bồ-đê. Về phía Đông Bắc của ngôi chùa này là một ngọn tháp. Tại chỗ này đức Như Lai thời xưa, đã diễn giảng diệu pháp trong 7 ngày. Về Tây Bắc có một chỗ, bốn vị quá khứ Phật đều ngồi tại đây.

Phía Nam chỗ này có một ngôi chùa bằng đồng do vua Siladatya lập nên nhưng chưa hoàn thành. Nếu làm xong thì ngôi chùa này sẽ cao đến 100 feet. Gần đó về phía Đông độ 200 thước, ở ngoài dãy tường là một tượng Phật bằng đồng đứng thẳng do chính vua Purnavarma tạo, cao độ 80 feet; một tòa lầu sáu tầng che phủ bức tượng ấy. Phía Bắc ngôi tượng độ 2, 3 dặm có một ngôi chùa bằng gạch có một bức tượng Bồ-tát Tara. Bức tượng này rất cao và rất siêu thoát. Từ ngôi tinh xá đi về phía Nam 8, 9 dặm, chúng ta đến một làng gọi là Kulika, làng có một ngôi tháp do vua A Dục dựng lên: chính đó là chỗ đản sanh của ngài Mục Kiền Liên.

Phía Đông làng của Mục Kiền Liên độ 4, 5 dặm có một ngôi chùa là nơi vua Bimbisara (Tần Bà Ta La) đến hội kiến với đức Phật. Phía Đông Nam chỗ Vua Tân-bà-ta-la gặp đức Phật, cách độ 20 dặm, chúng ta đến một thành phố gọi là Kalapinaka. Trong thành phố này có một ngôi

tháp kỷ niệm nơi đản sanh của ngài Xá Lợi Phất, cũng do vua A Dục dựng lên..."

Hiện tại công việc đào bới tìm lại những vết tích xưa chưa được hoàn thành. Có nhiều ụ đất cao chưa đào, chắc còn nhiều di tích bị chôn lấp ở dưới những mô đất ấy. Tại những thửa ruộng xung quanh Nalanda, chúng tôi cũng nhận thấy có những lớp gạch dưới những luống cày. Có lẽ dưới những ruộng ấy là những cổ tích, vì lâu đời đất cát bồi lên lấp hẳn những tháp đền ở dưới, rồi sau dân chúng đến cày cấy, trồng trọt lên trên.

5. Viện Bảo Tàng


Sau khi đi thăm Nalanda, chúng tôi đến xem Viện Bảo tàng, vì những di tích đào được ở Nalanda đều đem tàng trữ tại chỗ này. Có bốn loại được tàng trữ ở Bảo tàng viện này: các bia ký, tượng, khuôn dấu và đồ gốm.

A. Bia ký - Những bia ký này rất quan trọng giúp chúng ta hiểu lịch sử của Nalanda trải qua các thời đại. Những chữ trên bia hoặc được khắc trên lá đồng, hoặc trên các tường đá, hoặc trên các tường hồ giả cẩm thạch. Như bia ký đức vua Devapala đã được nói đến trên bia ký trên đá đồng của Samudra Gupta, Devapala và Dharmapala tìm được ở Nalanda, hiện đem về bảo tàng ở Calcutta. Có hai bia ký trên đá ở Viện Bảo tàng Nalanda, một của Yasovarmadeva, một của Vipulasrimitra. Bia ký đầu ghi những tặng phẩm của Málada, con một vị Bộ trưởng của Vua Yasovarmadeva, vua xứ Kanduj vào thế kỷ thứ 8. Ngôi tháp đó do vua Báladitya lập. Bia ký do Vipulasrimitra làm, như dựng lên ngôi điện thờ Tàrà (Tàrà chúng tôi cho là đức Chuẩn Đề, không hiểu có đúng không?) với những sân tiếp cận, một hồ cùng tinh xá được tả là "một kỳ quan của thế giới", lộng lẫy hơn các cung điện của Đế Thích. Cũng có nhiều bia ký ghi chép những

lời Phật dạy. Có một bia ký trên một tượng Tàrà, tháp số A1-304, chép bằng tiếng Sanskrit như sau: "Om Tàre Tuttàre ture svàhà. Om Padmavati Om Turukulle svàhà. Ye dharmà hetu-prabhavà, hetum tesam Tathàgato hyavadat, Tesam ca yo nirodho, evam vàdimàha-sramanath".

B. Tượng - Rất nhiều tượng Phật, tượng các vị Bồ-tát cùng các vị thiên thần khác. Vì Nalanda là trung tâm của Phật giáo Đại thừa nên ngoài tượng Phật, còn có nhiều tượng các vị Bồ-tát nữa. Phần lớn tượng thuộc thời đại Pàla, nhưng cũng có vài tượng thuộc thời đại Gupta. Các tượng ở đây không được to lắm, nhưng điều đặc biệt là số lớn tượng làm bằng kim khí. Cũng có một vài tượng Ấn Độ giáo chứng tỏ Ấn Độ giáo đã có lần đến chiếm cứ Nalanda như đã chiếm cứ các chỗ khác. Các tượng Phật bằng đồng đen, có tượng số 1-532 rất đặc biệt đặt trên một hoa sen tròn. Các tượng Bồ-tát cũng rất đặc biệt và đẹp so sánh với các tượng ở chỗ khác. Có tượng Bồ-tát Padmapàni với cành sen cầm ở tay. Có tượng đức Avalokitesvara số 12 cầm chuỗi hạt, cành hoa sen và bình dương chi. Ngồi trên một con sư tử là tượng Vajrapàni, số 9-157, không hiểu là tượng đức Đại Thế Chí hay là ngài Phổ Hiền, thiếu tài liệu nên không thể nhận ra. Lại còn nhiều tượng khác như Manjusri (đức Văn Thù), Jambhala(?), Tàrà (Chuân Đề), Trailokyvijaya Prajnàpàramità (Bát nhã Ba-la-mật), Mairichi Sarasvati, Aparàjità,....

C. Khuôn dấu - Nhiều con dấu và tấm đồng được tìm thấy trong các tinh xá có những khuôn dấu có khắc tượng Phật hoặc một câu trong kinh điển; lại có những khuôn dấu của Nalanda Đại học viện. Như khuôn dấu "Sri Nalanda Mhà Vihàriyarya Bhikhsu Sanghasya", dịch là: "Của Giáo hội Đại đức tại tinh xá ở Nalanda". Hàng chữ khắc này có hình Pháp luân với hai con nai hai bên. Nhiều khuôn dấu chứng tỏ một tinh xá hoặc trú xá đều có dấu riêng. Lại cũng có những khuôn dấu thuộc của Vua Narasinha Gupta và Kumà-Ragupta 2 thời Gupta, Bhàskaravarman ở Assam, Harshavaardhama ở Kanauj và



nhieu vị vua hoặc thái tử khác. Những khuôn dấu ấy chứng tỏ các nhà vua đều đặc biệt chú trọng và ủng hộ Nalanda, Học viện có tiếng nhất ở Ấn Độ.

D. Đồ gốm - Những đồ gốm được tìm thấy ở Nalanda chứng tỏ trình độ văn minh của dân chúng thời ấy đã lên một mức độ khá cao.

[\[Mục lục\]](#) [\[Chương kế\]](#)

[\[Main Index\]](#) *Last updated: 29-12-1999*

Web master:
binh_anson@yahoo.com
binh_anson@hotmail.com